

VAI TRÒ CỦA HIẾN PHÁP VÀ VIỆC TỔNG KẾT THỰC THI HIẾN PHÁP CỦA NƯỚC TA

BÙI ANH THỦY*

1. Nhận thức của Đảng và Nhà nước ta về vai trò của hiến pháp

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước ta là một nước thuộc địa nửa phong kiến với chính thể quân chủ chuyên chế, nên không có hiến pháp. Tuy nhiên, vào những năm đầu thế kỷ XX, do ảnh hưởng của tư tưởng Cách mạng dân chủ tư sản Pháp năm 1789, ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (Trung Hoa) năm 1911 và chính sách duy tân mà Minh Trị Thiên hoàng đã áp dụng tại Nhật Bản, trong giới trí thức Việt Nam đã xuất hiện tư tưởng lập hiến. Đầu năm 1919, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã gửi *Tám điểm Yêu sách của nhân dân An Nam* cho Hội nghị Versailles của các nước Đồng minh, trong đó đã thể hiện rõ tư tưởng lập hiến. Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã dịch và diễn thành lời ca bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" để tuyên truyền trong đồng bào Việt kiều ở Pháp. Trong *Tám điều Yêu sách*, đáng lưu ý là điều thứ 7 - yêu cầu lập hiến, lập pháp cho nhân dân Việt Nam:

"Bây xin hiến pháp ban hành

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền"

Cũng trong "Bản yêu sách của nhân dân An Nam" gửi đến Hội nghị Versailles năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã đòi "thay đổi chế độ sắc luật bằng chế độ luật...". Theo đó, yêu cầu thay đổi văn bản pháp luật do cá nhân Toàn quyền Đông Dương ban hành bằng việc cơ quan lập pháp do nhân dân bầu ra ban hành các văn bản pháp luật.

Năm 1926, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục cho công bố một bản yêu sách nữa mang tiêu đề: "Lời hô hoán cùng Vạn quốc hội". Bản yêu sách này đòi trả quyền tự quyết cho nhân dân Việt Nam, đòi quyền độc lập hoàn toàn và tức khắc ngay cho dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách tuyên bố: "Nếu được độc lập ngay thì Việt Nam sẽ tình nguyện trả (dần từng năm) một phần nợ mà nước Pháp đã vay Mỹ và Anh trong hồi Âu chiến, Việt Nam sẽ ký Hòa ước liên minh với nước Pháp và sẽ *xếp đặt một nền hiến pháp theo lý tưởng dân quyền*"¹.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (năm 1939) của Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định lại chủ trương, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản là: "Đảng Cộng sản đấu tranh cho sự thống nhất dân tộc Việt Nam *không phải bằng cách quy lụy hay mặc cả với đế quốc ban hành cho một bản hiến pháp*, trái lại bằng cách liên kết tất cả các dân tộc, các giai cấp, các đảng phái phản đế để đánh đổ đế quốc, làm cách mạng giải phóng dân tộc. Đảng Cộng sản luôn luôn chú ý bênh vực quyền lợi của vô sản và quần chúng lao động và Đảng sẽ lãnh đạo cuộc cách mạng đến triệt để giải phóng giai cấp và dân chúng lao động".

Nhận thức rõ tầm quan trọng và vai trò của bản hiến văn trong việc khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, tức là một nhà nước dân chủ, đoạn tuyệt với nhà nước quân chủ, nên ngay sau ngày Tuyên ngôn Độc lập, ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề về sự cần thiết phải có một bản hiến pháp cho Nhà

* TS. Trường Đại học Lao động – Xã hội (CSII), Tp. Hồ Chí Minh.

nước Việt Nam. Vì vậy, lý do quan trọng nhất cho sự ra đời của bản hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam là nhu cầu của công cuộc xây dựng một nhà nước dân chủ, mọi quyền lực nhà nước phải thuộc về nhân dân Việt Nam. Hiến pháp như là một bản văn làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức chính quyền dân chủ một cách hợp pháp, cũng như làm cơ sở cho mọi hoạt động của xã hội này. Việc xây dựng bản hiến pháp đầu tiên còn là sự đòi hỏi một lần nữa về mặt pháp lý cùng với Tuyên ngôn Độc lập khẳng định độc lập, chủ quyền của dân tộc. Chính vì những lẽ đó, Đảng và Hồ Chủ tịch của Chính phủ Cách mạng Lâm thời rất quan tâm đến việc soạn thảo và thông qua hiến pháp. Ngày 3 tháng 9 năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ thứ ba là việc phải khẩn trương soạn thảo hiến pháp. Người nêu: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ²”. Việc ban hành Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào ngày 9-11-1946 là sự khẳng định mạnh mẽ về mặt pháp lý chủ quyền quốc gia của nhân dân Việt Nam, sự độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Hiến pháp năm 1946, vì điều kiện lịch sử, tuy không được toàn quốc thực hiện, nhưng với chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi nào có điều kiện vẫn được thi hành. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc Việt Nam tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Theo nhận định của Đảng, Hiến pháp năm 1946 đã hoàn thành sứ mạng lịch sử của mình. So với tình hình mới, xây dựng một chế độ xã

hội chủ nghĩa, tức là xây dựng một chế độ dân chủ mới cần phải có một bản hiến pháp mới. Hiến pháp năm 1959 ra đời chính là sự đáp ứng cho những yêu cầu, đòi hỏi của đất nước, của dân tộc thời kỳ đó.

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước hoàn toàn thống nhất, Đảng ta đã có chủ trương xây dựng bản hiến pháp mới, hiến pháp cho nước Việt Nam thống nhất. 5 năm sau, Hiến pháp năm 1980 ra đời, là hiến pháp thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn đất nước. Hiến pháp năm 1980 được Quốc hội khoá VI, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 18-12-1980. So với các bản hiến pháp trước đó, Hiến pháp năm 1980 tham khảo nhiều kinh nghiệm của việc tổ chức và xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, trong đó nhiều nhất là của các nước Liên Xô (cũ) và Đông Âu. Có thể nói rằng, Hiến pháp năm 1980 là một bản hiến pháp thể hiện một cách đầy đủ nhất những nhận thức cũ của Việt Nam về dân chủ của chủ nghĩa xã hội. Đó là một Nhà nước chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản với chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công vào những năm cuối cùng của thế kỷ XX.

Đầu những năm 1990, khái niệm “Nhà nước pháp quyền” chính thức được đề cập trong Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (ngày 25-11-1991), bàn về sửa đổi Hiến pháp năm 1980. Đến Đại hội X, Đảng chính thức khẳng định: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân...”. Rõ ràng, sự vận động của thực tiễn đã đòi hỏi phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền mà Người đã đặt những viên gạch đầu tiên xây nên nền móng.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, Đảng và Nhà nước ta đánh giá rất cao vai trò của

Hiến pháp đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn. Khi cách mạng thành công, khi cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới thì vấn đề sửa đổi, bổ sung hiến pháp được đặt ra. Và quy định của hiến pháp mới đặt nền tảng cho hệ thống pháp luật, cho việc thực hiện quyền lực của nhân dân.

2. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hiến pháp của nước ta

Việc tổng kết thực thi hiến pháp luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Mỗi khi cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, bao giờ chúng ta cũng xem xét, đánh giá xem hiến pháp có còn phù hợp. Sự phù hợp đó thể hiện ở các mặt:

- Nguyên tắc thực hiện quyền lực nhà nước
- Tổ chức bộ máy nhà nước
- Bảo đảm quyền của công dân

Trong các văn kiện của Đảng, báo cáo của Chính phủ, Quốc hội bao giờ cũng đánh giá về sự phù hợp hay không còn phù hợp của các quy định của hiến pháp với cuộc sống, với giai đoạn mới trong quá trình phát triển của đất nước.

Chiến thắng lịch sử của quân và dân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 đã đặt dấu chấm hết cho sự hiện diện của thực dân Pháp tại Đông Dương. Hiệp định hòa bình Giơnevơ được ký kết, nhưng đất nước ta vẫn bị chia cắt thành hai miền. Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới là: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Thời kỳ này, miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, quan hệ giai cấp trong xã hội đã có nhiều thay đổi: Giai cấp địa chủ phong kiến đã bị đánh đổ; liên minh giai cấp công nhân và nông dân ngày càng được củng cố và vững mạnh. Hiến pháp năm 1946 “đã hoàn thành sứ mạng của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện

*nay thì nó không thích hợp nữa. Vì vậy chúng ta cần sửa đổi hiến pháp ấy*³”.

Ngày 23-1-1957, tại kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa I, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Quốc hội sửa đổi Hiến pháp năm 1946. Đề nghị của Người đã được Quốc hội chấp thuận và một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu làm Trưởng ban dự thảo Hiến pháp sửa đổi. Ngày 27-2-1957, trong phiên họp đầu tiên của Ban sửa đổi Hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên những tư tưởng chỉ đạo như sau: “*Bản Hiến pháp chúng ta thảo ra sẽ là một bản Hiến pháp phát huy tinh thần của Hiến pháp 1946, đồng thời phải phản ánh đầy đủ tình hình thực tế của chế độ ta do cuộc cách mạng phản đế, phản phong thắng lợi đã mang lại; phản ánh đúng đắn con đường đang tiến lên của dân tộc ta. Nó sẽ là một bản Hiến pháp của một nước dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Nó phải là một bản Hiến pháp bảo đảm được các quyền tự do dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, trên cơ sở công nông liên minh và do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó phải thật sự bảo đảm nam nữ bình quyền và dân tộc bình đẳng*”⁴. Có thể nói đây chính là sự tổng kết khái quát nhất về Hiến pháp năm 1946.

Thắng lợi vĩ đại của chiến dịch Hồ Chí Minh mùa xuân năm 1975 đã mở ra một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử cách mạng nước ta nói chung, lịch sử lập hiến Việt Nam nói riêng. Đó là thời kỳ cả nước độc lập, thống nhất, cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược chung là: xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khi ban hành Hiến pháp năm 1992 đến nay, chúng ta cũng thường xuyên đánh giá sự phù hợp của những quy định của hiến pháp với nhu cầu đòi hỏi của sự phát triển của đất nước, phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực. Nghị quyết

Đại hội Đảng lần thứ XI nêu: *Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Cần phải thấy rằng, khi Đảng và Nhà nước ta đặt vấn đề về sửa đổi Hiến pháp năm 1992 là do điều kiện lịch sử có những thay đổi, có những quy định của Hiến pháp đã không còn phù hợp nữa. Tuy nhiên, tổng kết hiến pháp là công việc không đơn giản vì đây là đạo luật gốc, cơ bản của Nhà nước và xã hội, không chỉ điều chỉnh trực tiếp các quan hệ xã hội cơ bản, mà còn điều chỉnh thông qua việc cụ thể hóa hoạt động lập pháp và hoạt động lập quy. Vị trí tối thượng của hiến pháp được đề cao trong lập pháp về tổ chức quyền lực Nhà nước, về quyền con người và quyền tự do dân chủ của công dân. Nội dung và tinh thần của hiến pháp phù hợp với ý chí và nguyện vọng của nhân dân là nhân tố bảo đảm cho sự ổn định và phát triển của đất nước. Việc tổng kết hiến pháp, vì vậy, cần được tiến hành một cách thận trọng, khoa học cả về nội dung và cách thức thể hiện trong mối quan hệ với toàn bộ hệ thống pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; cũng như làm rõ vai trò của hiến pháp trong đời sống chính trị, việc tổ chức thực hiện hiến pháp trong đời sống nhà nước và xã hội. Từ đó, để thấy được những nội dung và giá trị nào của hiến pháp là đúng, phù hợp, cần tiếp tục khẳng định, được bảo đảm thực hiện; những quy định nào của hiến pháp không còn phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện⁵...

Chúng ta đã có những số liệu và kết quả từ việc tổng kết Hiến pháp năm 1992.

Báo cáo của Chính phủ nêu rõ, sau hơn một năm làm thí điểm việc không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường

theo Nghị quyết Trung ương 5 khóa X của Đảng, Nghị quyết 26 của Quốc hội ở 67 huyện, 32 quận, 483 phường của 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho thấy, “chủ trương trên là đúng đắn, phù hợp, được đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ. Việc làm này đã tạo được một bước đột phá trong cải cách hành chính, góp phần tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, đảm bảo tính thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước. Thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường đã đạt được các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đề ra, phân biệt rõ sự khác nhau giữa tổ chức chính quyền đô thị và nông thôn, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân, đồng thời phát huy tính chủ động, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính. Việc giám sát, kiểm tra đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn quận, huyện, phường được tăng cường, quyền dân chủ của người dân được đảm bảo, quyền dân chủ trực tiếp của người dân được mở rộng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, kinh tế xã hội tiếp tục ổn định và phát triển, vai trò lãnh đạo của Đảng được phát huy và tăng cường⁶.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Hoàn thiện cơ chế bầu cử đại biểu quốc hội để cử tri lựa chọn và bầu những người thực sự tiêu biểu vào Quốc hội. Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách; có cơ chế để đại biểu Quốc hội gắn bó chặt chẽ và có trách nhiệm với cử tri. Cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, chất lượng hoạt động của đại biểu Quốc hội và đoàn đại biểu Quốc hội. Nghiên cứu, giao quyền chất vấn cho Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Tiếp tục

phát huy dân chủ, tính công khai, đối thoại trong thảo luận, hoạt động chất vấn tại diễn đàn Quốc hội.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, trước hết là quy trình xây dựng luật, pháp lệnh; luật, pháp lệnh cần quy định cụ thể, tăng tính khả thi để đưa nhanh vào cuộc sống. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định và giám sát các vấn đề quan trọng của đất nước, nhất là các công trình trọng điểm của quốc gia, việc phân bổ và thực hiện ngân sách; giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp, công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Nghiên cứu xác định, làm rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước để thực hiện đầy đủ chức năng nguyên thủ quốc gia, thay mặt Nhà nước về đối nội, đối ngoại và thống lĩnh các lực lượng vũ trang; quan hệ giữa Chủ tịch nước với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Khi thực hiện hiến pháp, chúng ta có thể thấy những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi bổ sung. Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị về Cải cách tư pháp cũng chính là kết quả của quá trình tổng kết hiến pháp để đề ra phương hướng cải cách tư pháp đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân hiện nay là kết quả của việc tổng kết hiến pháp, tổng kết việc thực hiện Hiến pháp năm 1992. Đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân phải căn cứ vào các nguyên tắc cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước ta, các nguyên tắc đổi mới bộ máy nhà nước được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) và Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VIII).

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân gắn liền với việc

cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống các cơ quan tư pháp. Qui mô và tính chất của cải cách tư pháp quyết định nội dung và yêu cầu của đổi mới Viện Kiểm sát nhân dân. Đồng thời, thông qua việc đổi mới toàn diện ngành kiểm sát góp phần tích cực vào việc cải cách hệ thống các cơ quan tư pháp, bảo đảm thực hiện được mục tiêu của hoạt động tư pháp là mọi vi phạm pháp luật đều phải được xử lý, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật.

Tổng kết Hiến pháp năm 1992 cũng nhằm mục tiêu đẩy mạnh việc thực hiện *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp. Đổi mới hệ thống tổ chức toà án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp; mở rộng thẩm quyền xét xử của Toà án đối với các khiếu kiện hành chính. Viện Kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức Toà án, bảo đảm tốt hơn các điều kiện để Viện Kiểm sát nhân dân thực hiện hiệu quả chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp; tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối; xác định rõ hoạt động điều tra theo tố tụng và hoạt động trinh sát trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tiếp tục đổi mới và kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Tăng cường các cơ chế giám sát, bảo đảm sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Đại hội Đảng lần thứ XI đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011). Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã nêu rõ nhiệm vụ “*Khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001)* phù hợp với tình hình mới. Như vậy, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt coi trọng vai trò của hiến pháp, coi trọng việc tổng kết hiến pháp, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với yêu cầu ngày càng tăng cường quyền lực của nhân dân, hoàn thiện bộ máy nhà nước, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập khu vực và quốc tế, phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Do vậy, việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 lần này sẽ là sửa đổi toàn diện, đặt nền tảng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Chú thích

1. *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật*, Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý, 1993, tr. 182.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, 1984. Nxb. Sự thật, Hà Nội, tập 4, tr.6.
3. Hồ Chí Minh, *Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi năm 1959*.

4. Hồ Chí Minh, 1996, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 8, tr.322.
5. Trần Ngọc Đường, Sửa đổi Hiến pháp là phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước-
<http://laodong.com.vn/Tin-Tuc/Sua-doi-Hien-phap-la-phu-hop-voi-yeu-cau-phat-trien-dat-nuoc/7967>
6. Văn Tất Thu, Cơ sở lý luận và thực tiễn không tổ chức Hội đồng Nhân dân huyện, quận, phường, http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Trường Đại học Luật Hà Nội, 1999. *Giáo trình luật hiến pháp nước ngoài*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
3. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, 2001. *Giáo trình luật hiến pháp các nước tư bản*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Thái Vĩnh Thắng, 2010. *Nhà nước và pháp luật tư sản đương đại – Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp.
5. Vũ Hồng Anh, 1997. *Chế độ bầu cử của một số nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đào Trí Úc (chủ biên), 1992. *Những vấn đề cơ bản của hiến pháp các nước trên thế giới*, Nxb. Sự thật.
7. Các hiến pháp Việt Nam 1946, 1959, 1980, 1992; 1992 (sửa đổi năm 2001).
8. Tô Huy Rứa (Chủ biên), 1998. *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới (Sách chuyên khảo)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.